

Số: 1052/2024/QĐST- HNGĐ

Đông Đa, ngày 21 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA

Căn cứ Điều 149, Điều 212, Điều 213; Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 1001/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc: yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Bà Nguyễn Thị H**, Sinh năm: 1977

Căn cước công dân số: 001177033439.

Địa chỉ HKTT: Phố V, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- **Ông Khuông Phúc S**, Sinh năm: 1954

Căn cước công dân số: 010054000013.

Địa chỉ HKTT: Số E L, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tình cảm: Bà Nguyễn Thị H và ông Khuông Phúc S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, thành phố Hà Nội vào ngày 15/03/1996.

Quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, cuộc sống chung không hạnh phúc, cả hai đều đã cố gắng nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, không cảm thông chia sẻ được với nhau.

Bà H, ông S đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cùng đề nghị Tòa án công nhận việc ông bà thuận tình ly hôn.

[2] Con chung: Bà H, ông S xác nhận có 02 con chung là Khuông Ngọc C (nữ), sinh ngày: 09/07/1996 và Khuông Đức B (nam), sinh ngày: 30/10/1997. Chị C và anh N hiện đã thành niên, hoàn toàn khỏe mạnh nên ở với ai do anh chị quyết định, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tài sản chung (động sản, bất động sản): Bà H, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Nợ chung: Bà H, ông S xác nhận không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Lệ phí: Bà H, ông S thống nhất để bà H chịu toàn bộ lệ phí ly hôn.

Xét thấy: Sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về nội dung hòa giải đó.

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa: **Bà Nguyễn Thị H và ông Khuông Phúc S.**

2. Con chung: Xác nhận bà H và ông S có 02 con chung là Khuông Ngọc C (nữ), sinh ngày: 09/07/1996 và Khuông Đức B (nam), sinh ngày: 30/10/1997. Chị C và anh N hiện đã thành niên, hoàn toàn khỏe mạnh việc ở với ai do anh chị tự quyết định nên tòa không xét.

3. Tài sản chung (động sản và bất động sản): Bà H, ông S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

4. Nợ chung: Bà H, ông S đều xác nhận không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

5. Lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của bà H chịu toàn bộ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000002186509 ngày 11/11/2024 (đã thanh toán trực tuyến vào số tài khoản 3949.0.1049185 theo thông báo nộp tiền tạm ứng số 1033 ngày 11/11/2024 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, mã thông báo BD3BL2TGKW).

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- Đương sự;
- VKSND quận Đống Đa;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Đống Đa;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Quản Văn Tiến